

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/DS-PT
Ngày 18 - 3 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Các Thẩm phán: Ông Trần Bá Kha
Ông Trần Bình Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Xương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trương Thanh Triều - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2021/TLPT-DS ngày 29 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2021/DS-ST ngày 22/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 59/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh A, sinh năm 1958; địa chỉ: khu phố b, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Địa chỉ: Đường C, khu đô thị mới, thành phố H, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đình U, sinh năm 1962 – Chủ hộ kinh doanh D; địa chỉ: khu phố b, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Huỳnh A – nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Huỳnh A trình bày:

Vào ngày 15/3/2019, bà Huỳnh A có mua của cửa hàng D một ti vi hiệu Acinatic 49 in, trả góp với số tiền 15.700.000 đồng có hợp đồng giữa hai bên. Trong hợp đồng có ghi rõ bà Huỳnh A trả trước 4.700.000 đồng kèm theo 01 cà vẹt xe, số tiền còn lại là 11.000.000 đồng góp 8 tháng, 2 tháng góp 3.000.000 đồng. Sau khi góp được 3.000.000 đồng thì ti vi bị hư, bà A có báo cửa hàng nhiều lần nhưng cửa hàng cứ hứa mà không hề khắc phục. Cho tới khi góp được 8.000.000 đồng, chỉ còn 2.100.000 đồng là đủ số tiền 11.000.000 đồng như hợp đồng nêu trên, nhưng cửa hàng lúc thì gọi điện thoại báo còn thiếu hơn 5.000.000 đồng, lúc thì nhắn báo còn 3.900.000 đồng, lúc lại nhắn tin còn 2.900.000 đồng. Bà Huỳnh A có nói cửa hàng báo số tiền còn nợ là không đúng thì cửa hàng có cho một nhân viên tên T đến nhà bà thu 2.900.000 đồng, bà A không đồng ý trả thì A T bảo sẽ báo công an lại giải quyết nên bà đồng ý, nhưng lúc sau anh T lại kêu bà trả 2.100.000 đồng. Bà vẫn đồng ý trả nhưng với điều kiện phải sửa ti vi lại giúp bà. Anh T có hỏi mượn bà A 200.000 đồng để mua dụng cụ sửa ti vi và sẽ trừ tiền lại sau. Anh T lấy tiền đi mua cái USB với giá 120.000 đồng, còn lại 80.000 đồng có đưa lại cho bà nhưng ti vi không sửa được. Anh T nói với bà chở ti vi ra tiệm gần nhà sửa xong đem về liền nên bà đồng ý, nhưng chờ hoài mà không thấy anh T chở ti vi trả về lại. Đến ngày thứ ba vẫn không thấy A T chở ti vi lại trả nên bà có gọi điện hỏi cửa hàng thì được trả lời khi nào sửa xong sẽ báo cho hay. Tới 10 ngày sau vẫn không thấy ai báo nên bà tiếp tục gọi hỏi cửa hàng thì được trả lời đã sửa xong rồi, bà kêu cửa hàng cho người chở ti vi vào rồi nhận lại số tiền 1.980.000 đồng là đủ 11.000.000 đồng để kết thúc hợp đồng, nhưng cửa hàng nói bà còn thiếu 4.160.000 đồng, không đem đủ tiền thì đừng ra lấy ti vi về và nhiều lần nhắn tin nhục mạ danh dự, nhân phẩm của bà.

Nay bà khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán ti vi giữa bà Huỳnh A với cửa hàng điện máy D phải trả cho bà số tiền 13.720.000 đồng (Mười ba triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

Bị đơn ông Nguyễn Đình U trình bày:

Ngày 15/3/2019, khách hàng bà Huỳnh A tới cửa hàng điện máy D mua 01 ti vi Aconatic (49US533 AN-KTA061000045601) hình thức trả góp, giá ti vi 15.700.000 đồng, trả trước 4.700.000 đồng, còn 11.000.000 đồng, xin góp 8 tháng (mỗi tháng đóng cả tiền gốc và lãi là 1.475.000 đồng, do nhà xa nên xin hai tháng ra đóng góp một lần và đóng tại cửa hàng). Nội dung này đã được bà Huỳnh A đọc và ký xác nhận tại trang 467 của sổ bán góp tại D đã cắt giao nộp cho Tòa. Nhưng thực tế bà A không thực hiện đúng cam kết như lúc mua, tức là không ra cửa hàng đóng tiền. Khi qua 2 tháng, cửa hàng gọi điện nhắc thì nói chưa có tiền, muốn lấy thì vô nhà, không ai rảnh,... Bà A bắt nhân viên cửa hàng vô tới nhà 4 lần (các ngày 18/5, 10/6, 26/6 và 26/7/2019) mới chịu đóng 3.000.000 đồng, chậm hơn 2 tháng so với cam kết, đóng đúng là ngày 15/5/2019. Tính đến ngày 23/01.2020 phải vô nhà bà A tổng cộng 14 lần mới thu được 8.900.000 đồng (tức là hơn 10 tháng kể từ ngày mua), mỗi lần đi về khoảng 70km, gây tốn kém, mệt mỏi cho cửa hàng. Số tiền còn lại là 2.900.000 đồng, cửa hàng liên tục nhắc để kết thúc việc mua bán nhưng bà A cứ nhiều lần viện lý do, sau đó bà hẹn chắc chắn ngày 24/4/2020 sẽ trả hết. Đúng hẹn, nhân viên vô nhà lại nói chưa có, nhân viên yêu cầu bà viết cam kết ngày giờ cụ

thể nên bà đã ký cam kết ngày 24/4/2020 là nếu 30/5/2020 mà không trả hết thì sẽ thu hồi ti vi về mà không được khiếu nại, ý kiến gì.

Đến ngày 01/6/2020, cửa hàng điện nhắc lại thì hẹn 04/6 nhưng đến hẹn bà vẫn chưa có tiền và nhờ cài lại Youtube cho ti vi, vì từ tháng 5/2020, nhà mạng Youtube nâng cấp phiên bản mới nên rất nhiều ti vi sản xuất trước đó không còn tương thích mà phải cài lại (chỉ có thân ti vi, không có chân và Rmot) rồi mấy ngày nữa về trả tiền, ký sổ hoàn tất việc mua bán và kêu xe ôm hoặc người nhà ra chở ti vi về. Ngày 08/6/2020, sau khi thử ổn định kênh Youtube, điện báo bà A ra trả tiền rồi chở ti vi về thì bà nói còn 2.100.000 đồng, trừ 120.000 đồng thẳng T lấy thì còn 1980.000 đồng, nhân viên nói bà cứ mang biên nhận ra rồi sẽ trừ tiền nhưng số tiền còn lại phải là 2.900.000 đồng mới đúng. Theo biên nhận, nhân viên có lấy của bà A 120.000 đồng nên số tiền còn lại là 2.780.000 đồng. Tính từ ngày mua 15/3/2019 tới nay đã hơn 15 tháng trong khi trong hợp đồng là phải thanh toán dứt điểm trong 8 tháng nhưng bà A vẫn cố tình không trả. Nay ông yêu cầu bà Huỳnh A trả số tiền 2.780.000 đồng cho cửa hàng D và ra chở ti vi về, ti vi vẫn hoạt động bình thường (chỉ có thân ti vi, không bao gồm Rmot và chân ti vi)

Tại bản án sơ thẩm số 29/2021/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh A về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán ti vi giữa bà Huỳnh A với cửa hàng điện máy D ngày 15/3/2019 là vô hiệu và yêu cầu buộc cửa hàng điện máy D phải trả cho bà Huỳnh A số tiền 13.720.000 đồng (mười ba triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Đình U – Chủ hộ kinh doanh D, buộc bà Huỳnh A phải có nghĩa thanh toán số tiền 2.780.000 đồng (hai triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng) cho ông Nguyễn Đình U – Chủ hộ kinh doanh D. Ghi nhận việc ông Nguyễn Đình U đồng ý giao trả giấy đăng ký xe mô tô, xe máy (cà vẹt) số 000530 biển kiểm soát 68K5-1743 đứng tên Phan Hoàng S do Công an huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 14/6/2021 sau khi bà Huỳnh A thanh toán xong số tiền trên.

3. Bà Huỳnh A có quyền đến cửa hàng điện máy D (ông Nguyễn Đình U – Chủ hộ kinh doanh Diệu Dương) nhận lại chiếc ti vi 49 in hiệu Aconatic (Model 49 US533AN, serial number KT A061000045601) do ông U đang lưu giữ khi án có hiệu lực pháp luật, ông U phải có trách nhiệm giao trả chiếc ti vi trên cho bà Huỳnh A.

Giao trả bản gốc Phiếu bảo hành ti vi 49 in hiệu Aconatic (đang lưu trong hồ sơ vụ án) cho bà Huỳnh A.

Án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

Ngày 02 tháng 12 năm 2021 nguyên đơn bà Huỳnh A kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm tuyên hợp đồng mua bán giữa bà và cửa hàng điện máy D là vô hiệu. Buộc cửa hàng điện máy D phải trả lại số tiền là 13.720.000 đồng. Tìm ra

được A nhân viên tên T đã lừa bà ký giấy và lấy TV đi. Làm rõ số tiền bà còn nợ cửa hàng là 1.980.000 đồng, cửa hàng vô cớ lấy TV của bà đi kéo dài hơn 2 năm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Huỳnh A, bị đơn ông Nguyễn Đình U đều có đơn xin vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Huỳnh A, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Huỳnh A, bị đơn ông Nguyễn Đình U có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt bà A, ông U là đúng quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Huỳnh A yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hợp đồng mua bán giữa bà Huỳnh A với cửa hàng điện máy D là vô hiệu. Buộc cửa hàng điện máy D phải trả lại số tiền 13.720.000 đồng; làm rõ vấn đề trong vụ án; bà chỉ còn thiếu cửa hàng điện máy D 1.980.000 đồng, bà đồng ý trả số tiền 1.980.000 đồng là đủ 11.000.000 đồng nhưng cửa hàng lại lấy ti vi của bà kéo dài hơn hai năm cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, bà Huỳnh A có thỏa thuận mua ti vi với ông U, bà Huỳnh A mua ti vi 49 in hiệu Aconatic (Model 49 US533AN, serial number KT A061000045601), giá thỏa thuận 15.700.000 đồng, bà Huỳnh A trả trước 4.700.000 đồng, còn lại 11.000.000 đồng, trả góp trong 8 tháng (1.475.000 đồng/tháng), bà Huỳnh A có giao giấy đăng ký xe mô tô, xe máy (cà vệt) số 000530 (biển kiểm soát 68K5-1743 để bảo đảm việc trả góp. Số tiền trả góp trong 08 tháng tổng cộng là 11.800.000 đồng bao gồm tiền gốc và lãi (tiền gốc là 11.000.000 đồng, tiền lãi 800.000 đồng), trừ đi số tiền bà Huỳnh A đã trả cho ông U 8.900.000 đồng là còn 2.900.000 đồng là phù hợp với lời cam kết của bà Huỳnh A đã viết trong hóa đơn bán lẻ (bút lục số 30) có nội dung “*tôi Huỳnh A có hẹn với cửa hàng điện máy D xin đóng tiền 02 kỳ 2.900.000đ vào ngày 30/5/2020 ra cửa hàng điện vào lấy tiền. Nếu không đúng hẹn tôi xin hoàn hàng đã mua lại và không có ý kiến gì về người lấy hàng*”. Nhưng bà Huỳnh A vẫn không trả số tiền này. Bà A khai nại cho rằng không nhớ có ký vào tờ giấy cam kết hay không, cấp sơ thẩm có yêu cầu bà A giám định chữ ký, chữ viết họ tên trong tờ cam kết ngày 24/4/2020 nhưng bà A không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết. Đồng thời, bà A còn cho rằng cửa hàng vô cớ lấy TV của bà đi kéo dài hơn 2 năm nU phía bị đơn lại cho rằng đến ngày 01/6/2020, cửa hàng điện nhắc lại thì hẹn 04/6 nhưng đến hẹn bà A vẫn chưa có tiền và bà A nhờ cài

lại Youtube cho ti vi, vì từ tháng 5/2020, nhà mạng Youtube nâng cấp phiên bản mới nên rất nhiều ti vi sản xuất trước đó không còn tương thích mà phải cài lại (chỉ có thân ti vi, không có chân và Rmote), phía bên bị đơn chỉ cài đặt lại ti vi cho bà A, trong khi đó bà A cũng không có chứng cứ gì cho rằng ông U đã giữ lại ti vi của bà A. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh A là có căn cứ đúng pháp luật. Nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận đơn kháng cáo của bà Huỳnh A.

[3] Từ những nhận định trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Huỳnh A; chấp nhận ý kiến đề nghị của kiểm sát viên, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Án phí phúc thẩm: Nguyên đơn bà Huỳnh A không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 280, 282, 357, 430, 433, 434, 440 và Điều 446 của Bộ luật Dân sự; Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh A.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 29/2021/DS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh A về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán ti vi giữa bà Huỳnh A với cửa hàng điện máy D ngày 15/3/2019 là vô hiệu và yêu cầu buộc cửa hàng điện máy D phải trả cho bà Huỳnh A số tiền 13.720.000 đồng (mười ba triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Đình U – Chủ hộ kinh doanh D.

Buộc bà Huỳnh A phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 2.780.000 đồng (hai triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng) cho ông Nguyễn Đình U – Chủ hộ kinh doanh D.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất thỏa thuận hoặc theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ghi nhận việc ông Nguyễn Đình U đồng ý giao trả giấy đăng ký xe mô tô, xe máy (cà vẹt) số 000530 biển kiểm soát 68K5-1743 đứng tên Phan Hoàng S do Công an huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 14/6/2021.

3. Bà Huỳnh A có quyền đến cửa hàng điện máy D (ông Nguyễn Đình U – Chủ hộ kinh doanh Diệu Dương) nhận lại chiếc tivi 49 in hiệu Aconatic (Model 49 US533AN, serial number KT A061000045601) do ông Nguyễn Đình U đang lưu giữ khi án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Đình U phải có trách nhiệm giao trả chiếc tivi trên cho bà Huỳnh A.

Giao trả bản gốc Phiếu bảo hành tivi 49 in hiệu Aconatic (đang lưu trong hồ sơ vụ án) cho bà Huỳnh A.

Trường hợp các đương sự không tự nguyện thi hành án thì người được thi hành án có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí:

Án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Huỳnh A được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bị đơn ông Nguyễn Đình U số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0003552 ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Án phí phúc thẩm: Bà Huỳnh A được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND thành phố H;
- THA dân sự thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhiên